

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TÍCH HỢP NĂNG LỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN 2018 THEO KHUNG THAM CHIẾU CỦA UNESCO

Hồ Trần Ngọc Oanh,
Lê Thị Thanh Tịnh⁺

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
+Tác giả liên hệ • Email: lttinh@ued.udn.vn

Article history

Received: 21/8/2025

Accepted: 26/9/2025

Published: 05/12/2025

Keywords

2018 Literature Curriculum,
Media and Information
Literacy, digital competency,
digital citizenship,
interdisciplinary education

ABSTRACT

In the digital era, Media and Information Literacy (MIL) is an essential competence that enables students to effectively access and process information. UNESCO (2013) issued the Global MIL Assessment Framework, and in 2025, the Vietnamese Ministry of Education and Training (MOET) introduced the Digital Competence Framework for learners to foster digital skills in education. The 2018 General Education Curriculum for Literature has the potential to integrate MIL; however, it has not yet been systematically evaluated against international standards. This article assesses the extent to which MIL elements are integrated into the lower secondary Literature curriculum, using UNESCO's MIL Framework and MOET's Digital Competence Framework as benchmarks. The findings indicate that the curriculum has begun to incorporate aspects such as critical reading, digital content creation, and media-based communication. Nevertheless, it lacks clear guidance on digital information assessment, identification of misinformation, digital safety, and ethics. Based on these results, the study proposes adjustments to curriculum content and teaching methods toward interdisciplinary MIL integration, as well as the development of teaching resources and instructional guidelines. These measures aim to strengthen students' digital competence in the context of increasingly digitalized education.

1. Mở đầu

Trong kỉ nguyên số, năng lực thông tin và truyền thông (Media and Information Literacy - MIL) và công nghệ số được xem là nền tảng giúp người học tiếp cận, đánh giá và tạo lập thông tin một cách chủ động và có trách nhiệm. Từ năm 2011, UNESCO đã ban hành Khung MIL toàn cầu, khẳng định đây là năng lực cốt lõi của công dân thế kỉ XXI. Gần đây, nhiều nghiên cứu tiếp tục nhấn mạnh vai trò thiết yếu của MIL trong việc giúp HS đối mặt với các thách thức thông tin sai lệch, tin giả và thao túng truyền thông trên không gian mạng. Tại Việt Nam, Bộ GD-ĐT (2025) đã ban hành Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT quy định về Khung năng lực số cho người học, trong đó đề cập đến các năng lực then chốt như nhận diện thông tin, tư duy phản biện, đạo đức số và sáng tạo nội dung. Đây là nền tảng quan trọng để các môn học tích hợp các yếu tố của MIL trong quá trình dạy học. Môn Ngữ văn với định hướng phát triển năng lực đọc hiểu, viết, nói, nghe và tư duy phản biện, có nhiều tiềm năng để rèn luyện các thành tố của MIL, nhất là qua hoạt động đọc - viết văn bản đa phương tiện. Tuy nhiên, đến nay, chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá hệ thống mức độ tích hợp MIL trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (gọi tắt: Chương trình Ngữ văn 2018), cũng như sự tương thích giữa chương trình này với các khung MIL quốc tế.

Bài báo này đánh giá mức độ tích hợp các yếu tố của MIL trong Chương trình Ngữ văn 2018 cấp THCS tại Việt Nam, trên cơ sở đối chiếu với Khung MIL của UNESCO (2011) và Khung năng lực số do Bộ GD-ĐT (2025) công bố. Cụ thể, các câu hỏi nghiên cứu đặt ra gồm: (1) Chương trình Ngữ văn 2018 đã tích hợp các yếu tố của MIL ở mức độ nào? (2) Những nội dung cụ thể nào của MIL (truy cập, phân tích, đánh giá, sáng tạo, an toàn và đạo đức số) được thể hiện trong chương trình? (3) Các khoảng trống, hạn chế hiện nay trong việc tích hợp MIL là gì? (4) Cần có những điều chỉnh hoặc đề xuất sư phạm nào để tăng cường hiệu quả dạy học MIL trong môn Ngữ văn? Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung định tính, tập trung vào việc phân tích Chương trình Ngữ văn 2018 và một số SGK hiện hành theo các tiêu chí từ Khung MIL UNESCO và Khung năng lực số 2025. Ngoài ra, nghiên cứu tiến

hành đối chiếu với kinh nghiệm giáo dục của một số quốc gia đã tích hợp hiệu quả MIL vào chương trình phổ thông như Phần Lan, Thụy Điển, Malaysia...

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về năng lực thông tin và truyền thông

Năng lực thông tin và truyền thông (Media and Information Literacy - MIL) là năng lực nền tảng giúp người học chủ động tiếp cận, phân tích, đánh giá và tạo lập thông tin cũng như nội dung truyền thông trong bối cảnh xã hội số. Năng lực truyền thông (ML) không chỉ giúp cá nhân hiểu cách vận hành của các phương tiện truyền thông mà còn phát triển tư duy phản biện và khả năng tham gia vào việc sản xuất nội dung. Theo Choi (2015) và Hobbs (2017), người học cần có khả năng giải mã, phân tích và phản biện các thông điệp truyền thông, từ đó xây dựng nhận thức đa chiều và trách nhiệm xã hội. Năng lực thông tin (IL) nhấn mạnh việc hình thành các kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng thông tin một cách hiệu quả, đồng thời nuôi dưỡng thái độ thận trọng, phân tích độc lập trong quá trình xử lý thông tin. Với sự phát triển mạnh mẽ của môi trường số, IL đã trở thành một trong những năng lực thiết yếu, giúp người học nhận diện thông tin sai lệch và phòng tránh rủi ro thông tin. Tuy nhiên, nhiều chương trình giảng dạy hiện nay vẫn thiên về ML, trong khi IL chưa được tích hợp một cách hệ thống (Sánchez và cộng sự, 2021). Việc triển khai giáo dục MIL trong nhà trường là cơ sở để hình thành công dân số có trách nhiệm, có khả năng thích ứng với xã hội truyền thông đa chiều (UNESCO, 2011; Grizzle và cộng sự, 2013).

Khung MIL do UNESCO (2011) đề xuất đã xác định và cấu trúc MIL thành ba nhóm chính: (1) *Tìm kiếm và truy cập thông tin*: gồm khả năng nhận diện nhu cầu, xác định mục tiêu tìm kiếm, sử dụng công cụ truy xuất hiệu quả và tổ chức thông tin phục vụ cho học tập hoặc giải quyết vấn đề; (2) *Đánh giá và thẩm định nội dung*: Nhấn mạnh tư duy phản biện trong việc phân tích độ tin cậy, tính xác thực và các động cơ tiềm ẩn của nguồn thông tin. Người học cần biết so sánh, đối chiếu và xác minh thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; (3) *Sáng tạo và tham gia có trách nhiệm*: Hướng đến việc sản xuất nội dung số phù hợp với chuẩn mực đạo đức, biết truyền đạt hiệu quả và tham gia xây dựng môi trường truyền thông lành mạnh. Trong nghiên cứu này, Khung MIL của UNESCO được sử dụng làm công cụ tham chiếu để phân tích mức độ tích hợp các yếu tố MIL trong Chương trình Ngữ văn 2018 tại Việt Nam. Việc đối chiếu ba trụ cột năng lực với nội dung môn học sẽ giúp nhận diện rõ điểm mạnh, hạn chế và khả năng cải tiến chương trình.

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của MIL trong giáo dục phổ thông. Livingstone và Van der Graaf (2018) khẳng định rằng MIL đóng vai trò thiết yếu trong việc phát triển tư duy phản biện, đặc biệt trước các vấn đề như tin giả và thao túng thông tin. Các nước Bắc Âu như Phần Lan, Thụy Điển đã tích hợp MIL liên môn vào chương trình học, từ đó giúp HS hình thành năng lực số một cách toàn diện (European Commission, 2020). Tại khu vực Đông Nam Á, Malaysia là ví dụ điển hình trong việc lồng ghép MIL vào chương trình phổ thông thông qua ba trụ cột: công dân số, đạo đức truyền thông và sáng tạo nội dung (Ministry of Education Malaysia, 2019). UNESCO (2022) cũng ghi nhận hiệu quả của cách tiếp cận này trong việc nâng cao nhận thức của HS. Ở Việt Nam, tuy Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã có định hướng phát triển năng lực, nhưng các yếu tố của MIL vẫn chưa được tích hợp đồng bộ. Nghiên cứu gần đây của Trịnh Thị Phương Thảo và cộng sự (2024) cho thấy HS phổ thông còn thiếu kỹ năng thẩm định thông tin và bảo vệ bản thân trên môi trường số. Hiện nay, vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu đánh giá cụ thể việc tích hợp MIL vào môn Ngữ văn - môn học có vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực đọc - viết - phản biện.

2.2. Đánh giá mức độ tích hợp MIL trong Chương trình Ngữ văn 2018

Kết quả phân tích cho thấy Chương trình Ngữ văn 2018 đã thể hiện những nỗ lực bước đầu trong việc tiếp cận với các thành phần của MIL. Một số nội dung giảng dạy có liên quan đến việc phát triển khả năng đọc hiểu văn bản đa phương thức, sáng tạo nội dung số và khuyến khích tư duy phản biện. Tuy nhiên, khi đối chiếu với các tiêu chí của Khung MIL UNESCO (2011), mức độ tích hợp này vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đồng bộ. *Thứ nhất*, chương trình đã mở rộng phạm vi văn bản đọc hiểu, bao gồm các loại hình văn bản đa phương thức như văn bản điện tử, văn bản có hình ảnh, âm thanh. Điều này thể hiện sự tiệm cận với yêu cầu “tiếp cận và truy cập thông tin, phương tiện truyền thông” trong Khung MIL. Tuy nhiên, chương trình chưa quy định rõ ràng các yêu cầu về năng lực đánh giá tính xác thực của thông tin, khả năng xác định nguồn tin đáng tin cậy, hoặc hướng dẫn HS phát hiện tin giả - những năng lực cốt lõi của MIL. *Thứ hai*, kỹ năng sáng tạo nội dung số mới chỉ được đề cập một cách gián tiếp thông qua yêu cầu HS viết bài văn nghị luận, thuyết minh hoặc thực hiện dự án học tập. Chưa có hoạt động cụ thể nào được thiết kế nhằm phát triển kỹ năng sáng tạo nội dung số có đạo đức (ví dụ như trích dẫn nguồn tài liệu số, tuân thủ bản quyền thông tin, bảo vệ danh tính số). *Thứ ba*, tư duy phản biện - một thành tố quan trọng của MIL, tuy được khuyến khích thông qua các hoạt động phân tích, đánh giá văn bản, nhưng chủ yếu giới hạn ở nội dung văn học, văn hóa, xã hội, chưa mở rộng sang việc phân

tích, đánh giá các nội dung thông tin số và truyền thông đại chúng. Nội dung giáo dục đạo đức số, quyền công dân số cũng chưa được tích hợp một cách có hệ thống. *Thứ tư*, chương trình hiện hành còn thiếu vắng các tiêu chí đánh giá MIL của HS. Điều này khiến việc triển khai giảng dạy MIL trong môn Ngữ văn chủ yếu phụ thuộc vào sự chủ động và sáng tạo cá nhân của GV, dẫn đến sự thiếu nhất quán trong thực hành giảng dạy giữa các cơ sở giáo dục.

Nhìn chung, mặc dù Chương trình Ngữ văn 2018 đã có những điều chỉnh phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, nhưng mức độ tích hợp các thành phần của MIL vẫn còn ở mức sơ khởi, chủ yếu thiên về tiếp cận nội dung hơn là phát triển kỹ năng thực hành và tư duy phản biện trong môi trường truyền thông số. Điều này đòi hỏi cần có những điều chỉnh bổ sung về nội dung, phương pháp và tiêu chí đánh giá, nhằm tăng cường tính hệ thống và hiệu quả của việc tích hợp MIL trong môn học Ngữ văn trong thời gian tới.

2.3. Phân tích chi tiết mức độ tích hợp theo các thành phần của MIL

Dựa trên ba thành phần chính của Khung MIL UNESCO (2011), nghiên cứu tiến hành đối chiếu và phân tích chi tiết mức độ tích hợp trong Chương trình Ngữ văn 2018, với các kết quả cụ thể như sau:

2.3.1. Mức độ tích hợp năng lực tìm kiếm và truy xuất thông tin

Chương trình Ngữ văn 2018 đã có những bước đầu trong việc mở rộng phạm vi tiếp cận các dạng văn bản đa phương thức, bao gồm văn bản có yếu tố hình ảnh, đồ họa, văn bản điện tử và văn bản truyền thông. Điều này cho thấy một số nỗ lực tích hợp năng lực tìm kiếm và truy xuất thông tin của HS trong môi trường số. Tuy nhiên, khi đối chiếu với yêu cầu của Khung MIL UNESCO (2011), mức độ tích hợp kỹ năng tìm kiếm và truy xuất thông tin trong chương trình còn nhiều hạn chế. *Về nội dung*: Chương trình chưa có yêu cầu rõ ràng về việc dạy HS xác định nhu cầu thông tin, tìm kiếm có định hướng, hoặc sử dụng các công cụ tìm kiếm học thuật và kiểm chứng thông tin số. Các bài học chủ yếu yêu cầu HS đọc hiểu nội dung văn bản, trong khi kỹ năng xác thực nguồn tin, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của thông tin từ các nền tảng số lại chưa được đề cập hoặc hướng dẫn cụ thể. *Về hoạt động học tập*: Mặc dù HS được giao nhiệm vụ tiếp cận các loại văn bản mới, chương trình chưa yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, lưu trữ thông tin có hệ thống, hoặc đánh giá độ tin cậy của nguồn tin trong quá trình học tập. *Về hướng dẫn GV*: Chưa có khung hướng dẫn cụ thể hoặc tiêu chí đánh giá kỹ năng tìm kiếm và truy xuất thông tin của HS trong môi trường số. Điều này gây khó khăn cho việc tổ chức hoạt động dạy học gắn với các yêu cầu năng lực số. Mặc dù chương trình đã tạo nền tảng ban đầu để HS tiếp cận với văn bản số và đa phương thức, việc phát triển năng lực tìm kiếm và truy xuất thông tin một cách có tư duy phản biện và chọn lọc vẫn cần được cụ thể hóa hơn trong thiết kế chương trình và tổ chức dạy học.

2.3.2. Mức độ tích hợp năng lực đọc - hiểu và đánh giá thông tin

Chương trình Ngữ văn 2018 đã mở rộng phạm vi đọc hiểu của HS thông qua việc tiếp cận nhiều thể loại văn bản đa phương thức như truyện tranh, bài báo điện tử, văn bản quảng cáo, văn bản truyền thông mạng xã hội. Đây là bước tiến đáng ghi nhận trong việc tạo điều kiện cho HS làm quen với các loại hình văn bản mới trong môi trường số. Tuy nhiên, khi so sánh với Khung MIL UNESCO (2011), mức độ tích hợp năng lực đọc - hiểu và đánh giá thông tin trong chương trình còn nhiều bất cập. *Về yêu cầu đọc - hiểu*: Chương trình mới dừng lại ở mức hướng dẫn HS nắm bắt nội dung văn bản, phân tích một số yếu tố nghệ thuật và nội dung xã hội, mà chưa thực sự yêu cầu HS đánh giá độ tin cậy, tính xác thực, hoặc mục đích truyền tải thông tin của văn bản, đặc biệt đối với các văn bản số và truyền thông đa phương tiện. *Về kỹ năng đánh giá thông tin*: Các kỹ năng quan trọng như xác thực nguồn tin, nhận diện tin giả, phân tích lập luận và nhận diện thao túng thông tin trong văn bản truyền thông chưa được tích hợp vào yêu cầu đọc hiểu. HS chưa được trang bị hệ thống câu hỏi gợi mở tư duy phản biện đối với thông tin số. *Về thực hành*: Chưa có bài tập yêu cầu HS so sánh thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, kiểm chứng thông tin, hoặc phân tích sự tác động của thông tin số đối với nhận thức cá nhân và cộng đồng. Dù chương trình đã bước đầu tiếp cận văn bản đa phương thức, năng lực đọc - hiểu và đánh giá thông tin số của HS vẫn chưa được phát triển một cách hệ thống. Việc bổ sung các yêu cầu đọc hiểu phê phán, đánh giá thông tin và thực hành xác thực nguồn tin sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực số và tư duy phản biện của HS trong thời đại truyền thông số hóa.

2.3.3. Mức độ tích hợp năng lực tổ chức thông tin và sáng tạo nội dung

Chương trình Ngữ văn 2018 đã có những yêu cầu nhất định nhằm phát triển kỹ năng viết, trình bày và sáng tạo nội dung cho HS. Thông qua các hoạt động như viết bài văn nghị luận, viết thuyết minh, thực hiện dự án cá nhân hoặc nhóm, HS được rèn luyện tư duy diễn đạt, kỹ năng tạo lập văn bản và trình bày nội dung có hệ thống. Đây là những nền tảng quan trọng cho việc tổ chức thông tin và sáng tạo nội dung trong môi trường số. Tuy nhiên, khi đối chiếu với yêu cầu của Khung MIL UNESCO (2011), mức độ tích hợp năng lực tổ chức thông tin và sáng tạo nội dung trong Chương trình Ngữ văn 2018 còn một số hạn chế.

Về tổ chức thông tin: Chương trình chú trọng kỹ năng lập dàn ý, xây dựng bố cục bài viết truyền thông nhưng chưa khai thác sâu kỹ năng tổ chức thông tin trên môi trường số. Cụ thể, HS chưa được hướng dẫn cách tổ chức, sắp xếp thông tin phù hợp với các dạng nội dung số như infographic, blog, bài đăng mạng xã hội, video ngắn hay slide thuyết trình. *Về sáng tạo nội dung số:* Dù HS có cơ hội luyện tập viết nhiều thể loại, chương trình vẫn chưa yêu cầu HS vận dụng công nghệ số để sản xuất nội dung. Việc hướng dẫn sáng tạo nội dung đa phương tiện (kết hợp chữ, hình ảnh, âm thanh) hoặc sáng tạo nội dung truyền thông số (content marketing, video clip, infographic) hầu như chưa được đề cập. Các kỹ năng như trích dẫn nguồn tin, sử dụng tài liệu tham khảo điện tử, hoặc đảm bảo bản quyền nội dung số cũng chưa được chú trọng.

Về nhận thức đạo đức khi sáng tạo nội dung: Chưa có nội dung giáo dục HS về việc tôn trọng bản quyền số, tránh đạo văn trong môi trường mạng và trách nhiệm xã hội khi sản xuất và chia sẻ nội dung trực tuyến. Tóm lại, trong khi Chương trình Ngữ văn 2018 đã tạo nền tảng cho việc rèn luyện kỹ năng viết và diễn đạt thông tin, việc phát triển năng lực tổ chức và sáng tạo nội dung trong môi trường số vẫn còn hạn chế. Việc tích hợp yêu cầu sáng tạo nội dung số, kỹ năng tổ chức thông tin trực tuyến và ý thức đạo đức số vào chương trình sẽ giúp HS thích ứng tốt hơn với môi trường truyền thông hiện đại và trở thành những công dân số có trách nhiệm.

2.4. So sánh tổng hợp Chương trình Ngữ văn 2018 với Khung MIL UNESCO

Chương trình Ngữ văn 2018 với Khung MIL của UNESCO có các điểm tương đồng sau: (1) Định hướng phát triển tư duy phân biện: Chương trình Ngữ văn 2018 nhấn mạnh yêu cầu phát triển tư duy phân biện thông qua các hoạt động đọc hiểu, phân tích và lập luận, tương đồng với mục tiêu của MIL về việc hình thành khả năng suy luận, đánh giá thông tin một cách có ý thức; (2) Khuyến khích sáng tạo nội dung: Nội dung giảng dạy Ngữ văn 2018 đã mở rộng từ viết các bài văn truyền thống sang yêu cầu HS trình bày ý tưởng dưới nhiều hình thức khác nhau như thuyết trình, xây dựng sản phẩm học tập đa phương tiện. Điều này phù hợp với yêu cầu sáng tạo nội dung số trong Khung MIL UNESCO; (3) Đọc hiểu văn bản đa phương thức: Chương trình đã bước đầu đưa vào các dạng văn bản phi truyền thống như bài báo điện tử, infographic, quảng cáo, phù hợp với yêu cầu của MIL về việc tiếp cận và phân tích văn bản số và truyền thông đa nền tảng.

Mặc dù có những điểm tương đồng nêu trên, khi phân tích sâu, Chương trình Ngữ văn 2018 vẫn còn khoảng cách đáng kể so với các tiêu chí toàn diện của Khung MIL UNESCO:

Tiêu chí MIL UNESCO	Thực trạng trong Chương trình Ngữ văn 2018	Khoảng trống cần bổ sung
Tìm kiếm và truy xuất thông tin	Chưa có yêu cầu cụ thể về kỹ năng tìm kiếm và xác thực nguồn tin	Cần hướng dẫn HS sử dụng công cụ tìm kiếm học thuật, kiểm chứng thông tin
Đọc hiểu và đánh giá thông tin số	Đọc hiểu văn bản đa phương thức chủ yếu tập trung vào nội dung, chưa hướng dẫn đánh giá tính xác thực, phân biệt tin thật - giả	Cần tích hợp các bài tập nhận diện tin giả, phân tích tính khách quan
Sáng tạo nội dung số có trách nhiệm	Có yêu cầu viết và sáng tạo, nhưng thiếu hướng dẫn về trích dẫn nguồn, bản quyền số	Cần giáo dục HS về quy tắc trích dẫn, đạo đức sáng tạo nội dung số
Tư duy phân biện trong môi trường số	Phát triển tư duy phân biện trong văn học, nhưng chưa mở rộng sang phân tích truyền thông số, nhận diện thao túng thông tin	Cần bổ sung nội dung về ảnh hưởng của thuật toán truyền thông và quyền công dân số
Đạo đức số và an toàn thông tin	Hoàn toàn chưa đề cập	Cần lồng ghép giáo dục về bảo vệ dữ liệu cá nhân, ứng xử văn minh trên môi trường mạng

Như vậy, Chương trình Ngữ văn 2018 đã có những bước đầu tiếp cận với các yêu cầu về MIL, đặc biệt trong việc đọc hiểu văn bản đa phương thức, rèn luyện tư duy phân biện. Tuy nhiên, mức độ tích hợp còn chủ yếu mang tính tiềm năng, thiếu các yêu cầu cụ thể về kỹ năng số, đạo đức số, và trách nhiệm công dân số như Khung MIL UNESCO đề ra.

2.5. Thảo luận

2.5.1. Những thách thức trong việc tích hợp MIL vào chương trình Ngữ văn

Mặc dù, Chương trình Ngữ văn 2018 có tiềm năng trong việc hỗ trợ HS phát triển MIL và công nghệ số, nhưng mức độ tích hợp hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế. Những khó khăn này xuất phát từ thiếu hướng dẫn cụ thể, hạn chế trong đào tạo GV, và sự thiếu hụt tài liệu giảng dạy hỗ trợ MIL. Dưới đây là phân tích chi tiết về các rào cản chính trong việc lồng ghép MIL vào Chương trình Ngữ văn tại Việt Nam.

Thiếu hướng dẫn cụ thể về MIL trong Chương trình Ngữ văn 2018: Chương trình Ngữ văn 2018 đã đề cập đến các yêu cầu như đọc hiểu đa phương thức, sáng tạo nội dung số và phân tích thông tin, nhưng vẫn thiếu hướng dẫn cụ thể về giảng dạy và đánh giá MIL và công nghệ số. Chưa có khung hướng dẫn chính thức cho GV, tiêu chí đánh

giá MIL chưa được xác lập rõ ràng trong hoạt động dạy và kiểm tra. HS tuy tiếp cận nhiều dạng văn bản số nhưng không được hướng dẫn phân tích nguồn tin, kiểm chứng thông tin hay nhận diện tin giả.

GV chưa được đào tạo bài bản về MIL: Mặc dù GV Ngữ văn có nền tảng vững về ngôn ngữ và văn học, nhưng phần lớn chưa được trang bị kiến thức chuyên sâu và kỹ năng sư phạm liên quan đến MIL. Các nội dung như đánh giá thông tin số, sáng tạo nội dung truyền thông, hay giảng dạy đạo đức số đòi hỏi năng lực sử dụng công nghệ và hiểu biết về truyền thông hiện đại, nhưng hiện nay GV vẫn chưa được đào tạo đầy đủ. Hạn chế cụ thể gồm: Thiếu chương trình đào tạo chuyên biệt về MIL cho GV Ngữ văn; Chưa có hướng dẫn lồng ghép MIL vào dạy học văn học và ngôn ngữ; GV ít được làm quen với công cụ công nghệ phục vụ kiểm chứng thông tin, tạo lập nội dung số; Nhận thức về vai trò của MIL còn hạn chế, dẫn đến việc triển khai mang tính tự phát, thiếu hệ thống.

Thiếu tài liệu giảng dạy MIL hỗ trợ GV và HS: Chương trình và SGK Ngữ văn 2018 hiện chưa tích hợp nội dung chuyên biệt về MIL, gây khó khăn cho cả GV và HS trong việc tiếp cận các khái niệm như đánh giá thông tin số, đạo đức số và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc học tập MIL chủ yếu mang tính tự phát, thiếu cơ sở lý luận và định hướng sư phạm rõ ràng. Hạn chế cụ thể bao gồm: Thiếu giáo trình chính thống về MIL trong môn Ngữ văn, khiến GV phải tự tìm kiếm và thiết kế nội dung mà không có định hướng hệ thống; SGK chưa có bài tập thực hành về MIL như đánh giá tin tức trực tuyến hay phân tích truyền thông số; HS chưa được cung cấp tài liệu giúp phát triển tư duy phân biện, hiểu biết về thuật toán mạng xã hội và kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2.5.2. Đề xuất cải tiến Chương trình Ngữ văn 2018 theo hướng tăng cường thúc đẩy MIL

Dựa trên những phát hiện của nghiên cứu, việc nâng cao mức độ tích hợp MIL và công nghệ số vào Chương trình Ngữ văn 2018 là cần thiết để giúp HS phát triển khả năng đánh giá thông tin, tư duy phân biện và sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm. Để đạt được mục tiêu này, cần có những cải tiến đồng bộ về chương trình giảng dạy, tài liệu học tập và bồi dưỡng GV. Dưới đây là các đề xuất cụ thể:

Xây dựng khung hướng dẫn giảng dạy MIL trong môn Ngữ văn: Hiện nay, Chương trình Ngữ văn 2018 chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tích hợp MIL vào nội dung giảng dạy. Vì vậy, cần xây dựng một khung hướng dẫn giảng dạy MIL dành riêng cho GV Ngữ văn với các nội dung sau: (1) Các tiêu chí đánh giá thông tin số: Hướng dẫn HS cách xác thực nguồn tin, đánh giá độ tin cậy của báo chí, bài viết trên mạng xã hội và các nội dung số khác; (2) Phương pháp kiểm chứng thông tin: Cung cấp các chiến lược và công cụ kiểm chứng tin tức, chẳng hạn như sử dụng Google Fact Check, VietnamCheck, Snopes, và các công cụ xác thực hình ảnh, video; (3) Tích hợp giảng dạy đạo đức số và quyền công dân số: Bổ sung nội dung về đạo đức số, trách nhiệm khi chia sẻ thông tin trên môi trường số, bảo vệ danh tính số và quản lý dữ liệu cá nhân; (4) Hướng dẫn thực hành sáng tạo nội dung số: Tích hợp các bài tập hướng dẫn HS cách viết bài phân tích, thiết kế infographic, sản xuất video ngắn, đồng thời đảm bảo tôn trọng bản quyền số và nguyên tắc đạo đức số.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng GV về MIL: GV đóng vai trò quan trọng trong việc đưa MIL vào lớp học, tuy nhiên, phần lớn GV Ngữ văn hiện nay chưa được đào tạo bài bản về MIL. Vì vậy, cần tổ chức các khóa bồi dưỡng GV theo các nội dung sau: (1) Nhận diện và đánh giá thông tin số: Hướng dẫn GV về cách kiểm chứng nguồn tin, nhận diện tin giả, đánh giá tính khách quan của thông tin trên Internet; (2) Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy MIL: Hướng dẫn GV sử dụng các công cụ số để hỗ trợ giảng dạy, bao gồm phần mềm phân tích thông tin, công cụ tạo nội dung số và các nền tảng học tập trực tuyến; (3) Giảng dạy đạo đức số và tư duy phân biện: Trang bị cho GV kiến thức về đạo đức số, quyền công dân số và cách tích hợp nội dung này vào bài giảng Ngữ văn; (4) Phát triển phương pháp giảng dạy MIL theo hướng thực hành: Hướng dẫn GV thiết kế bài tập thực hành giúp HS rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá thông tin số một cách chủ động.

Phát triển tài liệu giảng dạy MIL dành cho HS: Bên cạnh việc đào tạo GV, cần phát triển tài liệu giảng dạy MIL dành riêng cho HS để bổ sung vào Chương trình Ngữ văn 2018. Các tài liệu này cần bao gồm: (1) Bài tập nhận diện tin giả và kiểm chứng thông tin: HS thực hành so sánh tin tức từ nhiều nguồn khác nhau, nhận diện dấu hiệu tin giả và sử dụng các công cụ xác thực thông tin; (2) Hướng dẫn viết bài có trách nhiệm trong môi trường số: Tích hợp nội dung hướng dẫn trích dẫn nguồn tin số theo chuẩn APA/MLA, phân biệt giữa tin tức khách quan và quan điểm cá nhân; (3) Thực hành sáng tạo nội dung số: HS được hướng dẫn thiết kế bài thuyết trình số, viết bài phân tích truyền thông, sản xuất video ngắn về các chủ đề xã hội; (4) Tài liệu về đạo đức số và quyền công dân số: HS tìm hiểu về quyền riêng tư, an toàn thông tin, quy tắc ứng xử trên mạng và trách nhiệm khi chia sẻ thông tin số.

Tích hợp MIL theo hướng tiếp cận liên môn: MIL không chỉ liên quan đến môn Ngữ văn mà còn có sự kết nối với nhiều môn học khác như Tin học, Giáo dục Công dân, Lịch sử, Địa lí. Vì vậy, cần thúc đẩy cách tiếp cận liên môn để giúp HS phát triển MIL một cách toàn diện hơn: (1) Kết hợp MIL với môn Tin học: HS được hướng dẫn sử

dụng công cụ kiểm chứng tin tức, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sáng tạo nội dung số; (2) Lồng ghép MIL vào môn Giáo dục công dân: HS tìm hiểu về đạo đức số, quyền công dân số, an toàn mạng và trách nhiệm trong môi trường số; (3) Tích hợp MIL vào môn Lịch sử và Địa lí: HS được hướng dẫn phân tích thông tin lịch sử, địa lí từ nhiều nguồn khác nhau, nhận diện sự thiên vị trong truyền thông và kiểm chứng thông tin.

Đưa MIL vào tiêu chí đánh giá năng lực HS: Chương trình Ngữ văn 2018 chưa có tiêu chí đánh giá MIL một cách rõ ràng. Vì vậy, cần bổ sung các tiêu chí đánh giá MIL vào bài kiểm tra, bài tập thực hành và các hoạt động học tập của HS, bao gồm: (1) Tiêu chí đánh giá khả năng phân tích và đánh giá thông tin: HS cần thể hiện được khả năng kiểm chứng nguồn tin, phân biệt giữa thông tin chính thống và thông tin sai lệch; (2) Tiêu chí đánh giá tư duy phản biện đối với truyền thông số: HS cần chứng minh được khả năng nhận diện thao túng truyền thông, tác động của thuật toán mạng xã hội và ảnh hưởng của quảng cáo số; (3) Tiêu chí đánh giá sáng tạo nội dung số có trách nhiệm: HS phải biết cách trích dẫn nguồn tin, tôn trọng bản quyền và sản xuất nội dung số phù hợp với đạo đức số. Việc tích hợp MIL vào tiêu chí đánh giá sẽ giúp HS hình thành thói quen tiếp cận, sử dụng và sáng tạo thông tin một cách khoa học, có trách nhiệm. Nhìn chung, việc tích hợp MIL vào Chương trình Ngữ văn 2018 là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao, cần có sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý giáo dục, sự chuẩn bị kỹ lưỡng của GV và tài liệu giảng dạy phù hợp.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số, MIL ngày càng trở nên thiết yếu đối với HS. Chương trình Ngữ văn 2018 đã bước đầu tích hợp một số yếu tố của MIL, đặc biệt là trong đọc hiểu văn bản đa phương thức và sáng tạo nội dung số. Tuy nhiên, mức độ tích hợp còn hạn chế, thiếu định hướng rõ ràng về tư duy phản biện, đánh giá thông tin số, nhận diện tin giả và đạo đức số. Nghiên cứu cho thấy, rào cản chính hiện nay là thiếu tài liệu giảng dạy chuyên biệt, GV chưa được đào tạo bài bản về MIL, và chưa có tiêu chí đánh giá MIL trong chương trình. So sánh với các quốc gia tiên tiến, tích hợp hiệu quả MIL đòi hỏi một cách tiếp cận liên môn và sự hỗ trợ hệ thống từ chính sách giáo dục. Dù cung cấp góc nhìn toàn diện về chương trình, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như chưa đánh giá thực hành của HS, chưa khảo sát rộng rãi và chưa phân tích sâu yếu tố triển khai. Kết quả này đặt nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm đề xuất giải pháp lồng ghép MIL vào môn Ngữ văn một cách thực chất, phù hợp với bối cảnh giáo dục Việt Nam.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trung tâm Xây dựng và Thúc đẩy phát triển bền vững (BUS) và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, trong khuôn khổ đề tài mã số T2025-LK-04.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*.
- Choi, M. (2015). A Concept Analysis of Digital Citizenship for Democratic Citizenship Education in the Internet Age. *Theory và Research in Social Education*, 43(4), 512-545. <https://doi.org/10.1080/00933104.2015.1088432>
- European Commission (2020). *Media literacy for all: Supporting policy makers and stakeholders*. <https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/0b823b7a-39c3-11eb-b27b-01aa75ed71a1/language-en>
- Grizzle, A., Moore, P., Dezuan ni, M., Wilson, C., Banda, F., và Onumah, C. (2013). *Media and Information Literacy: Policy and Strategy Guidelines*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000225606>
- Hobbs, R. (2017). *Create to Learn: Introduction to Digital Literacy*. Wiley.
- Livingstone, S., & Van der Graaf, S. (2018). Media literacy: Ambitions, policies and measures. In D. Frau-Meigs và cộng sự (Eds.), *The Handbook of Media Education Research* (pp. 110-127). Routledge.
- Ministry of Education Malaysia (2019). *Curriculum and Assessment Standard Document for Media and Information Literacy*. Putrajaya: KPM.
- Sánchez, J., Camacho, L., và Alzate, G. (2021). Information Literacy in the Digital Age: Challenges and Perspectives for Latin America. *Journal of Librarianship and Information Science*, 53(1), 3-11.
- Trịnh Thị Phương Thảo, Trần Hữu Đức, Nguyễn Thị Hà (2024). Tích hợp giáo dục công dân số trong môn Ngữ văn trung học cơ sở: Một số gợi ý từ nghiên cứu thực tiễn. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(1), 45-53.
- UNESCO (2011). *Media and Information Literacy Curriculum for Teachers*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000192971>
- UNESCO (2013). *Global Media and Information Literacy Assessment Framework: Country Readiness and Competencies*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000224655>
- UNESCO (2022). *MIL for everyone: Integrating Media and Information Literacy in Education Systems*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381211>